

Bản án số: 447/2021/HNGĐ-ST;
Ngày: 29/4/2021.
V/v tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Túy Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Quân.

2/ Bà Lâm Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Linh – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1218/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về trA chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H – Sinh năm 1988;

Địa chỉ: 462/10A Lê Văn Khương, Tổ 7, Khu phố 3, phường TA, Quận 12, TP. HCM.

* Bị đơn: Ông Lê Văn D – Sinh năm 1978;

Địa chỉ: 462/10A Lê Văn Khương, Tổ 7, Khu phố 3, phường TA, Quận 12, TP. HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn - bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Lê Văn D quen biết nhau do tự nguyện tìm hiểu vào năm 2009. Năm 2010, được sự đồng ý của hai bên gia đình, bà và ông D có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34 do Ủy ban nhân dân xã QĐ, thành phố SS, tỉnh TH cấp ngày 02/8/2009.

Quá trình sống chung, vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông D hay ghen tuông vô cớ rồi xúc phạm, không tôn trọng bà. Ngoài ra, ông D còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác về kiếm chuyện gây gổ với bà. Từ tháng

07/2020 đến nay, vợ chồng bà sống ly thân do ông D đuổi bà đi. Thời gian sống ly thân ông D tiếp tục xúc phạm, chửi bới bà ở những chỗ đông người làm cho bà mất uy tín với mọi người.

Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn D.

Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng bà có với nhau 02 người con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 22/8/2010 và Lê Thế A, sinh ngày 21/3/2013. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lê Bảo N, giao con chung tên Lê Thế A cho ông D nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 12 đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn – ông Lê Văn D. Tại bản tự khai ngày 23/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn ông Lê Văn D trình bày:

Vấn đề quen biết, tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ông đồng ý với lời trình bày của bà H. Trong thời gian chung sống, vợ chồng ông cũng có xảy ra mâu thuẫn do không phù hợp nhau về quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ nhau. Từ tháng 07/2020 đến nay, vợ chồng ông sống ly thân do bà H tự ý dọn đồ ra ngoài ở riêng. Nay, ông còn thương vợ và các con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng ông có với nhau 02 người con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 22/8/2010 và Lê Thế A, sinh ngày 21/3/2013. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn có mặt và giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu như đã trình bày trước đây trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Về con chung: Nguyên đơn tiếp tục yêu cầu nuôi dưỡng người con chung tên Lê Bảo N, giao con chung tên Lê Thế A cho bị đơn nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Bị đơn thừa nhận đời sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn có xảy ra mâu thuẫn do bà H có tính tình ngang ngược, hay nói nhiều; còn bản thân bị đơn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có đánh vợ. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ. Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn thì bị đơn yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con hoặc giao cả 02 con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng thì bị đơn sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng khoảng 7.000.000 (bảy triệu) đồng. Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ trA chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn D. Đây là quan hệ pháp luật trA chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn đang cư trú tại 462/10A Lê Văn Khương, Tổ 7, Khu phố 3, phường TA, Quận 12, TP. HCM. Do đó căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, TP. HCM.

2/ Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/2009 tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã QĐ, thành phố SS, tỉnh TH, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34. Vợ chồng bà H, ông D có với nhau 02 (hai) con chung tên là Lê Bảo N, sinh ngày 22/8/2010 và Lê Thế A, sinh ngày 21/3/2013. Nay, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn D. Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Bảo N, giao con chung tên Lê Thế A cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Ông Lê Văn D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con hoặc giao cả 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho 02 trẻ khoảng 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H yêu cầu được ly hôn với ông D do vợ chồng bà có nhiều mâu thuẫn, ông D có quan hệ với người phụ nữ khác, không chia sẻ việc nhà với vợ, mỗi lần vợ chồng gây gổ nhau là ông D xúc phạm cha mẹ vợ. Cũng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông D thừa nhận vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn do bà H ngang ngược, nói nhiều, còn ông thì có quan hệ với người phụ nữ khác và có đánh vợ. Do có nhiều mâu thuẫn nên từ tháng 7/2020 đến nay, vợ chồng ông sống ly thân. Do đó, đã có đủ cơ sở để xác định quan hệ tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không còn, tình trạng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thực sự là trầm trọng, mục đích hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc thực sự không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Quá trình sống chung, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn D có 02 (hai) người con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 22/8/2010 và Lê Thế A, sinh ngày 21/3/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H luôn yêu cầu được nuôi

dưỡng con chung tên Lê Bảo N; giao con chung tên Lê Thế A cho ông Lê Văn D trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Tại phiên tòa, ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con hoặc giao cả 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng thì ông sẽ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng khoảng 7.000.000 (bảy triệu) đồng. Tại bản tự khai ngày 30/12/2020 thì trẻ Lê Bảo N có nguyện vọng được sống với mẹ. Tại bản tự khai ngày 05/4/2021 thì trẻ Lê Thế A có nguyện vọng được sống với Ba. Do vậy, để đảm bảo cho việc phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của trẻ N và A, Hội đồng xét xử giao con chung tên Lê Bảo N cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung tên Lê Thế A cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của các trẻ. Do bà H và ông D đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông D và bà H cho đến khi một trong hai bên có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có.

Về án phí ly hôn: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý việc sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Văn D.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 22/8/2010 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Lê Thế A, sinh ngày 21/3/2013 cho ông Lê Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn D cho đến khi một hoặc hai bên có yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về trA chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là

300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà H đã nộp khi khởi kiện theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0105627 ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, TP. HCM. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

5/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34, do Ủy ban nhân dân xã QĐ, thành phố SS, tỉnh TH cấp ngày 02/8/2009 không còn giá trị.

7/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- UBND xã QĐ, thành phố SS, tỉnh TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Túy Như

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Túy Như

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Túy Như

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- UBND xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Túy Như

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Hoàng Thò Tuỳ Nhỏ

